

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004265 ngày 16 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại 921 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.999.480.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc được đặt tại Đường Đào Trinh Nhất, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.
- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình.
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV.
- Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện).
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi.
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước.
- Xử lý nước thải.
- Kinh doanh bất động sản

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Bùi Quang Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Đới Văn Lân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Thành Trung	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Giám đốc điều hành
Ông Đặng Anh Tuấn	Giám đốc điều hành

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THÀNH TRUNG

Số: 12.257/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 02 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

NGUYỄN HOÀNG VY THẢO
Chứng chỉ KTV số 1727/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		88.628.795.711	59.727.313.409
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	19.693.497.908	26.817.105.419
1. Tiền	111		8.693.497.908	7.817.105.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	19.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	27.945.042.546	8.023.496.184
1. Phải thu khách hàng	131		25.862.116.435	7.594.592.184
2. Trả trước cho người bán	132		1.210.426.111	327.913.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		872.500.000	100.991.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		36.257.575.978	22.919.493.473
1. Hàng tồn kho	141	(5.3)	36.257.575.978	22.919.493.473
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.732.679.279	1.967.218.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		291.620.337	243.981.960
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.182.641.626	1.132.590.358
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		167.410.100	167.410.100
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		91.007.216	423.235.915

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.068.062.459	19.350.742.821
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.068.062.459	19.350.742.821
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.4)	14.960.378.362	19.105.376.042
+ Nguyên giá	222		56.498.562.919	54.630.215.585
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.538.184.557)	(35.524.839.543)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.5)	107.684.097	163.548.597
+ Nguyên giá	228		627.248.500	605.948.500
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(519.564.403)	(442.399.903)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	81.818.182
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		103.696.858.170	79.078.056.230

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.617.791.314	38.847.582.769
I. Nợ ngắn hạn	310		51.092.523.758	35.495.848.693
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	311.059.221
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	9.266.983.611	5.259.001.950
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	3.954.260.403	5.577.710.686
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	3.114.777.177	626.030.258
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	12.391.907.178	14.555.307.529
6. Chi phí phải trả	316		11.180.000	175.777.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318	(5.9)	18.264.511.758	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.10)	2.100.118.517	7.370.380.418
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(5.11)	1.988.785.114	1.620.581.631
II. Nợ dài hạn	330		9.525.267.556	3.351.734.076
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		546.040.896	361.557.955
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	(5.12)	8.979.226.660	2.990.176.121
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.13)	43.079.066.856	40.230.473.461
I. Vốn chủ sở hữu	410		43.079.066.856	40.230.473.461
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.348.152.706	3.010.234.234
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.587.434.150	1.220.759.227
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		144.000.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		103.696.858.170	79.078.056.230

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		181.211,77	168.278,16
+ EUR		130.733,89	72.074,52
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

NGUYỄN THÀNH TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		148.844.818.693	130.093.323.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		163.636.364	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	148.681.182.329	130.093.323.763
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	120.401.340.833	111.108.551.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.279.841.496	18.984.772.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.239.564.003	2.656.297.252
7. Chi phí tài chính	22		143.511.902	2.129.488.875
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>30.679.280</i>	<i>(405.477.708)</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	8.292.198.354	33.697.921
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	12.688.701.372	10.832.526.538
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.394.993.871	8.645.356.000
11. Thu nhập khác	31	(6.6)	2.841.080.614	884.325.125
12. Chi phí khác	32		436.511.381	870.925.274
13. Lợi nhuận khác	40		2.404.569.233	13.399.851
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.799.563.104	8.658.755.851
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	2.950.178.276	1.091.680.167
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.849.384.828	7.567.075.684
18. Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	(5.13.4)	2.458	2.102

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

NGUYỄN THÀNH TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		148.630.436.680	131.143.593.687
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(113.533.026.270)	(80.871.848.345)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.277.074.351)	(25.527.373.347)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(30.679.280)	(405.477.708)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(432.615.085)	(1.058.542.004)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.329.762.000	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.584.250.399)	(1.646.569.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.102.553.295	21.633.782.466
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(2.296.321.364)	(2.401.792.759)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		-	230.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.150.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		277.500.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.674.662.800	348.479.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.494.158.564)	(1.822.858.733)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		3.045.790.394	1.687.803.381
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.513.304.111)	(4.514.162.772)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.264.488.525)	(1.005.576.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		(8.732.002.242)	(3.831.935.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(7.123.607.511)	15.978.988.342
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		26.817.105.419	10.838.117.077
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		19.693.497.908	26.817.105.419

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****NGUYỄN THỊ LONG CHÂU****NGUYỄN THÀNH TRUNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004265 ngày 16 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại 921 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.999.480.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc được đặt tại Đường Đào Trinh Nhất, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ và xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ.
- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình.
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV.
- Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện).
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi.
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước.
- Xử lý nước thải.
- Kinh doanh bất động sản.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	04 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

- Tất cả các rủi ro được biết vào cuối năm sẽ được đánh giá một cách chi tiết và dự phòng phải trả sẽ được ghi nhận nếu tồn tại một nghĩa vụ phải thanh toán và chi phí được xác định một cách đáng tin cậy. Vào thời điểm thực tế thanh toán, dự phòng sẽ được ghi giảm một cách tương ứng, phần chênh lệch nếu có sẽ được ghi vào chi phí trong năm.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Cuối năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)
Chi phí phải trả	-	2.990.176.121
Dự phòng phải trả dài hạn	2.990.176.121	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	20.206.893	241.506.142
Tiền gửi ngân hàng	8.673.291.015	7.575.599.277
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	19.000.000.000
Tổng cộng	19.693.497.908	26.817.105.419

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	25.862.116.435	7.594.592.184
Trả trước cho người bán	1.210.426.111	327.913.000
Các khoản phải thu khác	872.500.000	100.991.000
Giá trị thuần của các khoản phải thu	27.945.042.546	8.023.496.184

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu của các bên liên quan là 3.061.575.000 đồng – Xem thêm mục 7.

Phải thu khác tại ngày 31/12/2011 trên bảng cân đối kế toán là khoản cho cán bộ công nhân viên vay.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	13.367.198.991	16.260.486.608
Công cụ, dụng cụ	1.280.750.528	872.721.101
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.365.174.859	5.541.834.164
Hàng hóa	244.451.600	244.451.600
Giá trị thuần có thể thực hiện	36.257.575.978	22.919.493.473

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.807.366.111	35.594.680.278	3.370.746.059	857.423.137	54.630.215.585
Mua trong năm	325.454.546	1.280.575.091	550.000.000	118.991.727	2.275.021.364
Thanh lý, nhượng bán	(292.500.000)	(114.174.030)	-	-	(406.674.030)
Số dư cuối năm	14.840.320.657	36.761.081.339	3.920.746.059	976.414.864	56.498.562.919

(Phần tiếp theo ở trang 16)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	9.256.433.108	22.925.168.852	2.582.576.935	760.660.648	35.524.839.543
Khấu hao trong năm	1.142.754.698	4.741.230.361	422.097.698	97.197.122	6.403.279.879
Thanh lý, nhượng bán	(292.500.000)	(97.434.865)	-	-	(389.934.865)
Số dư cuối năm	10.106.687.806	27.568.964.348	3.004.674.633	857.857.770	41.538.184.557

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu năm	5.550.933.003	12.669.511.426	788.169.124	96.762.489	19.105.376.042
Tại ngày cuối năm	4.733.632.851	9.192.116.991	916.071.426	118.557.094	14.960.378.362

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.008.673.415 đồng.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	605.948.500
Mua trong năm	21.300.000
Thanh lý, nhượng bán	-
Số dư cuối năm	627.248.500
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	442.399.903
Khấu hao trong năm	77.164.500
Thanh lý, nhượng bán	-
Số dư cuối năm	519.564.403
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	163.548.597
Tại ngày cuối năm	107.684.097

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	9.266.983.611	5.259.001.950
Người mua trả tiền trước	3.954.260.403	5.577.710.686
Tổng cộng	13.221.244.014	10.836.712.636

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế xuất, nhập khẩu	1.759.769	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.950.178.276	432.615.085
Thuế thu nhập cá nhân	162.839.132	193.415.173
Tổng cộng	3.114.777.177	626.030.258

5.8. Phải trả người lao động

Là khoản các khoản lương và thu nhập của người lao động còn phải trả.

5.9. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình lắp đặt bồn bia Cũ chi	15.293.500.000	-
Công trình khác	2.971.011.758	-
Tổng cộng	18.264.511.758	-

5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	371.011.368	262.852.388
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.841.804	-
Phải trả về cổ phần hóa	15.966.400	15.966.400
Cổ tức phải trả	1.455.368.865	4.679.932.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	255.930.080	2.411.629.230
Tổng cộng	2.100.118.517	7.370.380.418

5.11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.620.581.631	934.972.967
Trích lập trong năm	816.864.233	1.021.708.664
Sử dụng trong năm	(448.660.750)	(344.100.000)
Tặng khác	-	8.000.000
Số dư cuối năm	1.988.785.114	1.620.581.631

5.12. Dự phòng phải trả

Là chi phí bảo hành sản phẩm công trình xây lắp

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải trả đầu năm	2.990.176.121	3.000.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	6.028.644.853	833.697.921
Sử dụng dự phòng trong năm	(39.594.314)	(843.521.800)
Dự phòng phải trả cuối năm	8.979.226.660	2.990.176.121

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

ĐVT: nghìn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000	944.605	753.568	6.295.443	896.065	-	516.926	39.406.607
Tăng vốn trong năm trước	5.999.480	-	-	-	-	-	-	5.999.480
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.567.076	7.567.076
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.679.932)	(4.679.932)
Trích lập quỹ	-	-	-	1.769.666	324.694	288.000	(3.404.069)	(1.021.709)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(5.054.875)	-	(288.000)	-	(5.342.875)
Giảm trong năm trước	-	(944.605)	(753.568)	-	-	-	-	(1.698.173)
Số dư đầu năm nay	35.999.480	-	-	3.010.234	1.220.759	-	-	40.230.474
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	8.849.385	8.849.385
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.039.927)	(5.039.927)
Trích lập quỹ	-	-	-	2.337.919	366.675	288.000	(3.809.458)	(816.865)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(144.000)	-	(144.000)
Số dư cuối năm nay	35.999.480	-	-	5.348.153	1.587.434	144.000	-	43.079.067

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần bia - rượu - nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	9.360.000.000	9.360.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	26.639.480.000	26.639.480.000
Tổng cộng	35.999.480.000	35.999.480.000

5.13.3. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.599.480	3.599.480
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	3.599.480	3.599.480
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.599.480	3.599.480
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	8.849.384.828	7.567.075.684
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.599.480	3.599.480
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.458	2.102

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	-	516.925.628
Lợi nhuận sau thuế trong năm	8.849.384.828	7.567.075.684
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(2.337.918.472)	(1.769.666.279)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(366.674.923)	(324.693.969)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(816.864.233)	(1.021.708.664)
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(288.000.000)	(288.000.000)
Chia cổ tức	(5.039.927.200)	(4.679.932.400)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	-	-

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	146.016.439.963	99.077.771.228
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.828.378.730	31.015.552.535
Hàng bán bị trả lại	(163.636.364)	-
Doanh thu thuần	148.681.182.329	130.093.323.763

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	118.317.163.745	84.352.694.837
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.084.177.088	26.755.856.844
Tổng cộng	120.401.340.833	111.108.551.681

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.674.662.800	348.479.481
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	564.901.203	1.250.579.299
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.057.238.472
Tổng cộng	2.239.564.003	2.656.297.252

6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bảo hành	6.028.644.853	33.697.921
Chi phí xuất khẩu	2.255.073.501	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.480.000	-
Tổng cộng	8.292.198.354	33.697.921

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	8.416.841.933	6.700.027.457
Chi phí vật liệu quản lý	117.719.092	115.677.933
Chi phí đồ dùng văn phòng	164.782.627	129.964.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	377.211.468	364.695.113
Thuế, phí và lệ phí	382.536.960	382.906.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.669.296	746.360.699
Chi phí bằng tiền khác	2.036.939.996	2.392.894.466
Tổng cộng	12.688.701.372	10.832.526.538

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập bồi thường tài sản và hỗ trợ di dời	2.329.762.000	-
Thu nhập khác	511.318.614	884.325.125
Tổng cộng	2.841.080.614	884.325.125

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	11.799.563.104	8.658.755.851
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.150.000	750.000
Thu nhập tính thuế	11.800.713.104	8.659.505.851
Trong đó:		
+ Thu nhập được ưu đãi giảm 50% thuế	-	8.585.570.363
+ Thu nhập chịu thuế suất phổ thông 25%	11.800.713.104	73.935.488
Chi phí thuế TNDN	2.950.178.276	2.146.392.591
Thuế TNDN được giảm 50%	-	1.073.196.295
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	2.950.178.276	1.091.680.167

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.585.675.272	55.883.430.093
Chi phí nhân công	32.866.640.582	34.675.165.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.480.444.379	6.778.836.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.776.076.325	23.536.388.621
Chi phí khác bằng tiền	1.673.404.000	1.100.955.212
Tổng cộng	141.382.240.558	121.974.776.140

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ phần bia - rượu - nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	Cổ đồng

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2	3.061.575.000	-
Người mua trả tiền trước	-	(237.187.500)
Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	(15.293.500.000)	-

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	1.068.596.000	115.800.000
Trả cổ tức	1.310.400.000	1.216.800.000

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	288.000.000	288.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	916.637.511	733.252.485
Tổng cộng	1.204.637.511	1.021.252.485

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.693.497.908	26.817.105.419
Các khoản phải thu	26.734.616.435	7.695.583.184
Tổng cộng	46.428.114.343	34.512.688.603
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	311.059.221
Phải trả khách hàng	9.266.983.611	5.259.001.950
Chi phí phải trả	11.180.000	175.777.000
Dự phòng phải trả	8.979.226.660	2.990.176.121
Tổng cộng	18.257.390.271	8.736.014.292

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	507.764,62	185.415,59
<i>Euro (EUR)</i>	324.624,84	633.557,85

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty không có đầu tư vào các đơn vị khác nên không có rủi ro về giá các công cụ vốn.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng	2.837.961.089	6.429.022.522	9.266.983.611
Chi phí phải trả	11.180.000	-	11.180.000
Dự phòng phải trả	-	8.979.226.660	8.979.226.660
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả khách hàng	4.510.892.518	748.109.432	5.259.001.950
Chi phí phải trả	175.777.000	-	175.777.000
Dự phòng phải trả	-	2.990.176.121	2.990.176.121

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	25.862.116.435	-	25.862.116.435
Phải thu khác	872.500.000	-	872.500.000
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	7.594.592.184	-	7.594.592.184
Phải thu khác	100.991.000	-	100.991.000

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Các thông tin thuyết minh khác

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm. Theo đó, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như được trình bày lại trên thuyết minh số 4.2 thay vì được ghi nhận là một khoản mục khoản mục trên bảng cân đối kế toán như hướng dẫn của thông tư 201.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 01 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ LONG CHÂU

NGUYỄN THÀNH TRUNG